

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2018

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản sau khi
ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Den.

Bà Ký Bé Lài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Kim N, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc Kim N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bà N không chăm lo cho gia đình và bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột từ ngày 29 tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Mâu thuẫn của

vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Kim N.

Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà N có một người con chung tên là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2015 hiện tại do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà N có mua một chiếc xe máy hiệu Wave RSX trị giá hiện tại 15.000.000 đồng, xe do ông đứng tên giấy đăng ký và đang quản lý sử dụng. Ông yêu cầu được nhận xe, ông sẽ giao cho bà N $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 7.500.000 đồng.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tham gia hai chân hụi, loại hụi 500.000 đồng do ông Trần Quốc T làm chủ hụi, trong đó có một chân vợ chồng ông hùng với ông Nguyễn Văn L1, vợ chồng đã hót hụi chi sài vào việc chung của gia đình, hai chân hụi hiện nay chưa mãn, nếu đến khi mãn hụi thì vợ chồng phải đóng hụi cho ông T với số tiền là 36.500.000 đồng. Ông yêu cầu chia đôi số nợ trên với bà N, bà N phải có nghĩa vụ trả cho ông T là 18.250.000 đồng.

* Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc Kim N trình bày: Bà thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung đúng như ông L đã trình bày. Ông L yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông L. Về con chung ông L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc T1, bà đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có một chiếc xe máy hiệu Wave RSX trị giá 15.000.000 đồng. Bà đồng ý giao xe cho ông L quản lý sử dụng, ông L có nghĩa vụ giao cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe với số tiền 7.500.000 đồng.

Về nợ chung: Ông L cho rằng vợ chồng có chơi hụi của ông T và còn nợ hụi của ông T là không đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống không có tham gia chơi hụi của ông T, ông L tham gia chơi hụi của ông T khi nào bà không biết vì khi vợ chồng ly thân ông L có làm cam kết chỉ có nợ thể hiện tổng cộng là 3.000.000 đồng, bà đã đồng ý giao phần đất thuê cho ông L canh tác, ông L có nghĩa vụ trả nợ 3.000.000 đồng, không có nợ của ông T. Việc nợ của ông T như thế nào bà không biết nên ông L tự trả bà không đồng ý trả tiền nợ hụi cho ông T theo yêu cầu của ông L.

* Tại bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T trình bày: Ông có làm chủ hai dây hụi, dây thứ nhất mở ngày 15 tháng 9 năm 2016, có tổng số 41 chân, loại hụi 500.000đ, hụi mỗi tháng khui hai lần, ông L tham gia chơi một chân hụi. Đến ngày 30 tháng 01 năm 2016 ông L hót hụi, ông đã giao tiền hụi trực tiếp cho ông L và bà N. Dây thứ hai mở ngày 15 tháng 7 năm 2016, có tổng số 52 chân, loại hụi 500.000đ, hụi mỗi tháng khui hai lần, ông L và ông L1 tham gia chơi một chân, đến ngày 30 tháng 8 năm

2016 ông L và ông L1 hốt hui, đây hui này bà N không có tham gia. Hai đây hui hiện nay chưa mãn hui. Hiện nay ông L và bà N ly hôn với nhau, do hui chưa mãn nên ông không yêu cầu ông L, bà N trả tiền hui khi nào có tranh chấp ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Kim N. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Quốc T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Quốc T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc Kim N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông L và bà N là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông L giữ yêu cầu ly hôn với bà N vì cho rằng không còn thương yêu bà N. Tại phiên tòa bà N cũng đồng ý ly hôn với ông L, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Kim N.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông L và bà N có một người con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2015, con chung hiện do ông L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà N đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông L và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc Kim N, giao người con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông L và bà N có một chiếc xe máy hiệu Wave RSX trị giá hiện tại 15.000.000 đồng, xe do ông L đứng tên giấy đăng ký và đang quản lý sử dụng. Ông L yêu cầu được nhận xe, ông sẽ giao cho bà N ½ giá trị xe là 7.500.000 đồng. Bà N đồng ý giao xe cho ông L quản lý sử dụng, ông L có nghĩa vụ giao cho bà N ½ giá trị xe là 7.500.000 đồng. Xét thấy sự thỏa

thuận giữa ông L và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc Kim N, giao cho ông L quản lý sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, số loại: Wave RSX biển kiểm soát 69K1-108.56 số máy JA31E0044179, số khung 3115EY027360. Ông L có nghĩa vụ giao cho bà N $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe với số tiền 7.500.000đ.

[7] Về nợ chung: ông L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có tham gia chơi của ông T một chân hụi và vợ chồng có hụi với ông Nguyễn Văn L1 tham gia chơi một chân hụi của ông T, cả hai chân hụi đã hốt và phải đóng hụi chết đến khi mãn hụi với số tiền 36.500.000đ, ông L yêu cầu chia đôi số tiền nợ. Bà N cho rằng không có tham gia chơi hụi như ông L trình bày, việc ông L tham gia chơi hụi như thế nào bà không biết, bà không đồng ý chia đôi số tiền Nợ. Tại bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018 ông T cho rằng do hụi chưa mãn nên ông không yêu cầu ông L và bà N trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét, nêu sau này có tranh chấp ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông L phải nộp 300.000đ, Ông L đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí. Án phí dân sự có giá ngạch ông L, bà N mỗi người nộp 375.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 53; Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc Kim N.

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc Kim N, giao người con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc Kim N, ông L được quản lý sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon Da, số loại: Wave RSX biển kiểm soát 69K1-108.56 số máy JA31E0044179, số khung 3115EY027360. Ông L có nghĩa vụ giao cho bà N $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe với số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông L phải nộp 300.000đ, Ông L đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006834 ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí. Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Ngọc Kim N mỗi người nộp 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã R, huyện P, Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều